

# CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2020

**Tổng Giám đốc**



**Vũ Thanh Hải**

**Phụ trách kế toán**

A blue ink signature of Trần Thị Thanh Hảo.

**Trần Thị Thanh Hảo**

Hà Nội, tháng 07 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>438.160.909.293</b>	<b>412.931.797.328</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>137.468.568.093</b>	<b>180.212.617.667</b>
1. Tiền	111		76.468.568.093	83.579.897.890
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.000.000.000	96.632.719.777
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>41.889.625.000</b>	<b>13.500.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	41.889.625.000	13.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>228.238.185.745</b>	<b>187.881.915.147</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.198.613.200	32.830.223.227
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.704.139.108	1.832.350.807
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	43.400.000.000	23.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	152.100.267.049	129.984.174.725
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164.833.612)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>15.735.688.700</b>	<b>16.595.123.515</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	15.735.688.700	16.595.123.515
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.828.841.755</b>	<b>14.742.140.999</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	5.630.839.328	1.733.081.800
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.198.002.427	13.009.059.199
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>813.166.673.919</b>	<b>822.171.924.255</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>45.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	45.000.000.000	45.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>505.790.823.425</b>	<b>503.557.362.186</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	502.887.075.958	500.322.336.641
<i>Nguyên giá</i>	222		904.663.897.702	864.720.001.913
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(401.776.821.744)	(364.397.665.272)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.903.747.467	3.235.025.545
<i>Nguyên giá</i>	228		6.541.325.236	6.541.325.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.637.577.769)	(3.306.299.691)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.907.469.991</b>	<b>11.243.087.335</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	4.907.469.991	11.243.087.335
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>257.209.686.795</b>	<b>261.926.397.014</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		270.622.700.000	270.622.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.494.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.907.879.705)	(10.191.169.486)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>258.693.708</b>	<b>445.077.720</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	258.693.708	445.077.720
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.251.327.583.212</b>	<b>1.235.103.721.583</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>321.686.805.789</b>	<b>295.306.230.413</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>184.860.987.494</b>	<b>145.682.965.834</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	24.362.334.260	26.473.362.894
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.820.000	1.820.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	7.580.359.223	7.053.292.233
4. Phải trả người lao động	314		3.109.792.872	5.384.825.584
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.150.895.410	1.324.700.399
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.688.201.959	1.956.766.916
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	71.256.575.074	36.158.498.199
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	48.288.889.049	47.608.779.962
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	27.422.119.647	19.720.919.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>136.825.818.295</b>	<b>149.623.264.579</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		35.000.000.000	35.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	101.825.818.295	114.623.264.579
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>929.640.777.423</b>	<b>939.797.491.170</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>929.640.777.423</b>	<b>939.797.491.170</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487.827.510.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487.827.510.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.606.612.922	115.606.612.922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(22.905.485.178)	(14.920.919.678)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		235.778.070.809	206.901.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.334.068.870	144.383.217.117
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		58.007.419.117	144.383.217.117
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		55.326.649.753	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.251.327.583.212</b>	<b>1.235.103.721.583</b>

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2020

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 2 năm nay	Quý 2 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	131.313.354.598	133.592.048.369	263.735.522.129	260.317.132.873
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		131.313.354.598	133.592.048.369	263.735.522.129	260.317.132.873
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	93.615.704.389	99.380.671.817	192.509.761.704	191.283.646.266
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.697.650.209	34.211.376.552	71.225.760.425	69.033.486.607
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.978.370.379	17.348.530.256	10.775.230.933	22.407.329.563
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.638.490.717	3.332.175.887	9.635.493.383	6.763.235.901
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.179.250.020	1.868.651.222	4.356.742.500	3.855.659.210
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.038.429.665	5.175.249.602	10.250.914.785	10.961.112.745
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		34.999.100.206	43.052.481.319	62.114.583.190	73.716.467.524
11. Thu nhập khác	31	VI.6	287.931.110	210.548.870	300.120.282	1.144.199.265
12. Chi phí khác	32	VI.7	234.198.320	7	236.947.549	4.805.538
13. Lợi nhuận khác	40		53.732.790	210.548.863	63.172.733	1.139.393.727
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.052.832.996	43.263.030.182	62.177.755.923	74.855.861.251
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.087.978.082	3.366.052.493	6.851.106.170	7.511.164.195
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.964.854.914	39.896.977.689	55.326.649.753	67.344.697.056

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Hào



Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2020

Tổng Giám đốc

Vũ Thanh Hải



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		62.177.755.923	74.855.861.251
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		38.705.601.078	36.088.838.725
- Các khoản dự phòng	03		4.716.710.219	2.300.312.514
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		480.256.844	504.541.572
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.750.839.915)	(21.821.784.048)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.356.742.500	3.855.659.210
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		100.686.226.649	95.783.429.224
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.382.549.343)	(32.382.765.019)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		859.434.815	(14.153.294.397)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(18.736.762.535)	58.028.997.980
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.354.935.574	(4.570.658.687)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.276.727.718)	(3.258.997.335)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(4.781.304.030)	(4.558.702.244)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(2.404.800.000)	(6.348.743.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>40.318.453.412</b>	<b>88.539.266.522</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(18.674.587.535)	(129.008.629.217)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(63.389.625.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	-	(294.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.586.091.525	22.132.411.533
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(62.478.121.010)</b>	<b>(107.170.217.684)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(7.984.565.500)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	16.045.452.215	52.134.776.942
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(28.516.635.297)	(28.141.671.268)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	-	(72.308.847.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(20.455.748.582)</b>	<b>(48.315.741.326)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(42.615.416.180)</b>	<b>(66.946.692.488)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>180.212.617.667</b>	<b>184.928.446.586</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(128.633.394)	12.276.525
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>137.468.568.093</b>	<b>117.994.030.623</b>

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2020

Tổng Giám đốc

Vũ Thanh Hải



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### *Các Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%

##### *Công ty liên kết*

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Tại thời điểm cuối kỳ, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,89%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 72 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 73 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết***

##### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

##### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

##### ***Chi phí bảo hiểm***

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

#### **10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

##### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

#### **11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

##### ***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

#### **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **14. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### **15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	610.882.143	580.094.292
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.857.685.950	82.999.803.598
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	61.000.000.000	96.632.719.777
<b>Cộng</b>	<b><u>137.468.568.093</u></b>	<b><u>180.212.617.667</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>270.622.700.000</b>	<b>(14.907.879.705)</b>	<b>270.622.700.000</b>	<b>(10.191.169.486)</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An <sup>(i)</sup>	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An <sup>(ii)</sup>	101.000.000.000	-	101.000.000.000	-
Công ty TNHH Pan Hải An <sup>(iii)</sup>	139.622.700.000	(14.907.879.705)	139.622.700.000	(10.191.169.486)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>1.494.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.494.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An <sup>(iv)</sup>	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>866.500</b>	<b>-</b>	<b>866.500</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
<b>Cộng</b>	<b>272.117.566.500</b>	<b>(14.907.879.705)</b>	<b>272.117.566.500</b>	<b>(10.191.169.486)</b>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101126468 ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 30.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 ngày 20 tháng 10 năm 2017, thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.
- (iv) Theo Nghị quyết số 0310-2018/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng quản trị, Công ty đầu tư thêm 29.400 cổ phần Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC) (số cổ phần được phân bổ cho cổ đông hiện hữu), trong kỳ Công ty đã mua 29.400 cổ phần của HAFC với giá 294.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 149.400 cổ phần HAFC, chiếm 36,89% vốn điều lệ.

**Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết**

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(10.191.169.486)	(5.126.917.089)
Trích lập dự phòng bổ sung	(4.716.710.219)	(2.300.312.514)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(14.907.879.705)</b>	<b>(7.427.229.603)</b>

*Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH Cảng Hải An</b>		
Doanh thu khai thác cảng Công ty con thu hộ	111.237.844.805	97.062.750.870
Phí quản lý cảng phải trả cho Công ty con	18.763.077.204	17.506.011.787
Thuê văn phòng của Công ty mẹ	144.013.636	-
Phí cấp nước ngọt của Cảng Hải An	45.510.000	-
Phí quản lý tòa nhà của Cảng Hải An	82.000.000	-
Công ty con chia lợi nhuận	4.991.028.622	3.221.667.917
<b>Công ty TNHH Vận tải Container Hải An</b>		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	50.943.658.378	33.961.992.622
Công ty con cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	10.037.590.750	7.368.562.500
Thu tiền góp vốn theo hợp đồng BCC của Công ty con	-	10.000.000.000
Công ty con phân chia lãi BCC	-	7.774.998.895
Công ty con chia lợi nhuận	-	15.150.000.000
<b>Công ty TNHH Pan Hải An</b>		
Cho Công ty con vay	5.000.000.000	-
Thu tiền gốc cho vay từ Công ty con	15.000.000.000	-
Thu tiền lãi cho vay từ Công ty con	583.166.666	-
Công ty con cung cấp dịch vụ Cảng	-	694.757.217
Công ty con cho thuê xe nâng	2.550.000.000	-
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ cho Công ty con	18.224.000	707.097.500
<b>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An</b>		
Chuyển tiền góp vốn cho Công ty liên kết	-	294.000.000
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	1.360.598.821	21.000.000
Thu tiền góp vốn theo hợp đồng BCC của Công ty liên kết	-	5.000.000.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>25.799.315.465</b>	<b>25.827.834.366</b>
Công ty TNHH Cảng Hải An	3.784.661.142	10.813.645.524
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	20.309.772.823	14.138.000.731
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	763.962.666	404.388.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	528.683.182	39.139.998
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	412.235.652	432.660.113
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>3.399.297.735</b>	<b>7.002.388.861</b>
Các khách hàng khác	3.399.297.735	7.002.388.861
<b>Cộng</b>	<b>29.198.613.200</b>	<b>32.830.223.227</b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Wartsila Water Systems Limited	2.635.265.394	1.136.372.466
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Hàng hải tại Thành phố Hải Phòng	350.000.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Unico Vina	411.840.000	-
Các nhà cung cấp khác	307.033.714	345.978.341
<b>Cộng</b>	<b>3.704.139.108</b>	<b>1.832.350.807</b>

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>13.400.000.000</b>	<b>23.400.000.000</b>
Công ty TNHH Pan Hải An <sup>(i)</sup>	13.400.000.000	23.400.000.000
<b><i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b>30.000.000.000</b>	-
Ông Lê Phong Hiếu <sup>(ii)</sup>	30.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>43.400.000.000</b>	<b>23.400.000.000</b>

(i) Khoản cho Công ty TNHH Pan Hải An là bên liên quan vay với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 24 tháng, thời gian ân hạn là 01 năm kể từ ngày liền sau ngày giải ngân lần đầu của khoản vay và có thể gia hạn tối đa thêm 24 tháng. Số dư nợ gốc có thể hoàn trả một lần hoặc nhiều lần kể sau khi hết thời gian ân hạn là 01 năm kể từ ngày liền sau của ngày giải ngân đầu tiên của khoản vay.

(ii) Khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay không có tài sản đảm bảo để nộp tiền thuế đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng. Nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>22.625.871.064</b>	-	<b>10.941.652.613</b>	-
Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu	5.917.656.218	-	926.627.596	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Kết quả hoạt động BCC	16.518.515.759	-	9.876.423.114	-
Thành viên Hội đồng quản trị	189.699.087	-	138.601.903	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>129.474.395.985</b>	-	<b>119.042.522.112</b>	-
Lãi tiền gửi dự thu	886.692.100	-	712.972.330	-
Doanh thu tạm tính	1.019.225.600	-	643.214.400	-
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án <sup>(i)</sup>	124.423.676.376	-	92.763.292.500	-
Đặt cọc để nhận chuyển nhượng Bất động sản	-	-	22.000.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	2.088.929.109	-	2.065.986.820	-
Tạm ứng	863.249.700	-	688.040.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	192.623.100	-	307.617.963	-
<b>Cộng</b>	<b>152.100.267.049</b>	-	<b>129.984.174.725</b>	-

- (i) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m<sup>2</sup> theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>45.000.000.000</b>	-	<b>45.000.000.000</b>	-
Công ty TNHH Vận tải container Hải An - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh BCC <sup>(*)</sup>	45.000.000.000	-	45.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>45.000.000.000</b>	-	<b>46.713.470.000</b>	-

- (\*) Phải thu Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (“Bên kiểm soát”) về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tài Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)	3 năm	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tài Thương mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)	3 năm	99.744.126	(99.744.126)
<b>Cộng</b>		<b>164.833.612</b>	<b>(164.833.612)</b>		<b>164.833.612</b>	<b>(164.833.612)</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.673.112.335	-	16.481.256.242	-
Công cụ, dụng cụ	62.576.365	-	113.867.273	-
<b>Cộng</b>	<b>15.735.688.700</b>	<b>-</b>	<b>16.595.123.515</b>	<b>-</b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	932.226.259	349.024.400
Nạo vét	3.485.407.791	
Phí đường bộ		85.872.000
Chi phí thuê văn phòng	212.000.000	64.000.000
Dầu nhờn	911.590.000	1.234.185.400
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	89.615.278	
<b>Cộng</b>	<b>5.630.839.328</b>	<b>1.733.081.800</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	94.620.838	151.393.336
Bản quyền phần mềm		47.497.230
Chi phí khác	164.072.870	246.187.154
<b>Cộng</b>	<b>258.693.708</b>	<b>445.077.720</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	199.026.384.869	273.325.832.155	370.670.476.353	775.938.182	20.921.370.354	864.720.001.913
Mua trong kỳ(*)	27.500.000.000	12.443.895.789				39.943.895.789
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>226.526.384.869</b>	<b>285.769.727.944</b>	<b>370.670.476.353</b>	<b>775.938.182</b>	<b>20.921.370.354</b>	<b>904.663.897.702</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	25.772.685.269	3.172.619.411		113.845.455		29.059.150.135
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	117.524.765.442	204.541.456.163	35.521.535.527	497.788.740	6.312.119.400	364.397.665.272
Lũy kế khấu hao từ đầu năm đến cuối kỳ	5.280.354.677	14.725.335.961	16.240.217.724	81.367.098	1.051.881.012	37.379.156.472
Thanh lý, nhượng bán						-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>122.805.120.119</b>	<b>219.266.792.124</b>	<b>51.761.753.251</b>	<b>579.155.838</b>	<b>7.364.000.412</b>	<b>401.776.821.744</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	81.501.619.427	68.784.375.992	335.148.940.826	278.149.442	14.609.250.954	500.322.336.641
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>103.721.264.750</b>	<b>66.502.935.820</b>	<b>318.908.723.102</b>	<b>196.782.344</b>	<b>13.557.369.942</b>	<b>502.887.075.958</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 341.646.763.167 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

(\*) Công ty đang làm các thủ tục chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả tiền hàng năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>4.945.015.236</b>	<b>1.596.310.000</b>	<b>6.541.325.236</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.250.218.013	1.056.081.678	3.306.299.691
Khấu hao trong kỳ	70.643.076	260.635.002	331.278.078
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.320.861.089</b>	<b>1.316.716.680</b>	<b>3.637.577.769</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	2.694.797.223	540.228.322	3.235.025.545
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.624.154.147</b>	<b>279.593.320</b>	<b>2.903.747.467</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí trả trước</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	11.152.632.790	29.600.077.679	(12.443.895.789)	(27.500.000.000)	808.814.680
Xây dựng cơ bản dở dang	90.454.545	9.802.424.253	-	(7.066.309.090)	2.826.569.708
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	1.272.085.603	-	-	1.272.085.603
<b>Cộng</b>	<b>11.243.087.335</b>	<b>40.674.587.535</b>	<b>(12.443.895.789)</b>	<b>(34.566.309.090)</b>	<b>4.907.469.991</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.877.115.742</b>	<b>2.327.490.612</b>
Công ty TNHH Pan Hải An	456.046.778	1.138.791.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	621.827.208	56.045.585
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	799.241.756	1.132.654.027
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>22.485.218.518</b>	<b>24.145.872.282</b>
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	1.062.570.648	1.026.784.898
Triton Container International Limited-Colle	2.237.768.348	2.385.083.104
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	976.039.411	998.850.050
CN Công ty cổ phần phát triển hàng hải tại thành phố Hồ Chí Minh	740.062.654	944.249.076
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	1.195.224.824	1.274.113.660



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI HẢI ÂU	1.847.141.100	1.171.433.600
Công ty CP thương mại nạo vét và xây dựng Hùng Dũng	5.147.058.000	
FORKLIFTCENTER RENTAL B.V		8.921.523.520
Các nhà cung cấp khác	9.279.353.533	8.450.619.272
<b>Cộng</b>	<b>24.362.334.260</b>	<b>26.473.362.894</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	627.209.726	2.427.208.554	(2.504.896.798)	549.521.482
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.056.056.495	(1.056.056.495)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.781.304.030	6.039.006.616	(4.781.304.030)	6.039.006.616
Thuế thu nhập cá nhân	1.644.778.477	1.899.586.693	(2.552.534.045)	991.831.125
Tiền thuế đất	-	1.842.125.878	(1.842.125.878)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>7.053.292.233</b>	<b>13.268.984.236</b>	<b>(12.741.917.246)</b>	<b>7.580.359.223</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

#### Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<b>Quý 2 năm nay</b>	<b>Quý 2 năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.052.832.996	43.263.030.182
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	21.318.120	64.174.923
- Các khoản điều chỉnh tăng	21.318.120	64.174.923
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	35.074.151.116	43.327.205.105
Thu nhập được miễn thuế	(3.585.637.872)	(15.590.012.505)
Lỗ các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	31.488.513.244	27.737.192.600
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi	14.731.497.110	14.541.901.921
- Hoạt động khai thác cảng không được ưu đãi	3.481.240.023	7.442.580.059
- Hoạt động khai thác tàu	13.216.737.766	5.752.710.620
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>6.297.702.649</b>	<b>5.547.337.781</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>(2.209.724.567)</b>	<b>(2.181.285.288)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>4.087.978.082</b>	<b>3.366.052.493</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.087.978.082</b>	<b>3.366.052.493</b>
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(1.186.930.885)	(719.375.039)
Thuế TNDN nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	383.305.643	-
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>3.284.352.840</b>	<b>2.646.677.454</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Tiền thuê đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.150.895.410</b>	<b>1.324.700.399</b>
Chi phí lãi vay phải trả	1.029.996.836	1.057.731.649
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	120.898.574	266.968.750
<b>Cộng</b>	<b>1.150.895.410</b>	<b>1.324.700.399</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu HaiAn Link từ ngày 01/07/2020 đến ngày 12/07/2020

**17. Phải trả khác****17a. Phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>5.492.716.869</b>	<b>2.344.581.112</b>
Công ty Cổ phần Transimex - lãi hợp tác kinh doanh BCC		100.276.373
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh BCC	1.568.843.279	674.748.381
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh BCC		44.163.714
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs - lãi hợp tác kinh doanh BCC		25.898.150
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An- lãi hợp tác kinh doanh BCC	1.568.843.279	599.527.942
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà -lãi hợp tác kinh doanh BCC	1.568.843.279	599.527.942
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An -lãi hợp tác kinh doanh BCC	786.187.032	300.438.610
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>65.763.858.205</b>	<b>33.813.917.087</b>
Công ty Cổ phần MHC - lãi hợp tác kinh doanh BCC		30.477.701
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	17.453.230.584	32.866.011.150
Kinh phí công đoàn	182.693.899	173.458.514
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	47.811.748.000	418.950.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	316.185.722	325.019.722
<b>Cộng</b>	<b>71.256.575.074</b>	<b>36.158.498.199</b>

**17b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC (*)</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>

(\*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty là "Bên kiểm soát". Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ Lệ %</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	40.000.000.000	53,33%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	6,68%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	13,33%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	13,33%
<b>Cộng</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>100%</b>

## 18. Vay ngắn hạn/dài hạn

### 18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>8.238.915.067</b>	<b>7.861.226.074</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch I	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng <sup>(i)</sup>	8.238.915.067	7.861.226.074
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>40.049.973.982</b>	<b>39.747.553.888</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	36.775.493.305	35.711.924.825
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch I	3.274.480.677	4.035.629.063
<b>Cộng</b>	<b>48.288.889.049</b>	<b>47.608.779.962</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- <sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số 01.2019/VCB-HAIAN ngày 20 tháng 12 năm 2019, hạn mức vay là 30.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với thời hạn vay là 4 tháng..

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	7.861.226.074	39.747.553.888	47.608.779.962
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	8.238.915.067	-	8.238.915.067
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	20.910.865.712	20.910.865.712
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(7.861.226.074)	(20.655.409.223)	(28.516.635.297)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	46.963.605	46.963.605
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.238.915.067</b>	<b>40.049.973.982</b>	<b>48.288.889.049</b>

### 18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Phòng <sup>(i)</sup>	100.575.598.265	112.130.102.609
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch I <sup>(ii)</sup>	1.250.220.030	2.493.161.970
<b>Cộng</b>	<b>101.825.818.295</b>	<b>114.623.264.579</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
  - Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
  - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, 5 đầu kéo và 5 sowni romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.
  - Hợp đồng cấp tín dụng số 02.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29 tháng 11 năm 2019 đầu tư 2 xe nâng container trục xoay. Thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, 5 đầu kéo và 5 sowni romooc, tàu Hải An Link, tàu Hải An Mind và 02 xe nâng hình thành trong tương lai.
- (ii) Vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.
  - Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	38.879.973.982	39.747.553.888
Trên 1 năm đến 5 năm	102.995.818.295	114.623.264.579
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>141.875.792.277</b>	<b>154.370.818.467</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	114.623.264.579	97.115.754.668
Số tiền vay phát sinh	7.806.537.148	60.500.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Số tiền vay đã trả trong năm		(3.184.210.526)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(20.910.865.712)	(39.747.553.888)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	306.882.280	(60.725.675)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>101.825.818.295</b>	<b>114.623.264.579</b>

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	15.126.475.213	5.775.000.000	(860.000.000)	20.041.475.213
Quỹ thưởng Ban điều hành công ty	4.594.444.434	4.331.000.000	(1.544.800.000)	7.380.644.434
<b>Cộng</b>	<b>19.720.919.647</b>	<b>10.106.000.000</b>	<b>(2.404.800.000)</b>	<b>27.422.119.647</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	179.564.070.809	136.684.452.492	904.761.726.545
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	67.344.697.056	67.344.697.056
Trích lập các quỹ	-	-	-	27.337.000.000	(36.905.000.000)	(9.568.000.000)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(72.314.547.000)	(72.314.547.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>487.827.510.000</b>	<b>115.606.612.922</b>	<b>(14.920.919.678)</b>	<b>206.901.070.809</b>	<b>94.809.602.548</b>	<b>890.223.876.601</b>
Số dư đầu năm nay	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	206.901.070.809	144.383.217.117	939.797.491.170
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(7.984.565.500)	-	-	(7.984.565.500)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	55.326.649.753	55.326.649.753
Trích lập các quỹ	-	-	-	28.877.000.000	(38.983.000.000)	(10.106.000.000)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(47.392.798.000)	(47.392.798.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>487.827.510.000</b>	<b>115.606.612.922</b>	<b>(22.905.485.178)</b>	<b>235.778.070.809</b>	<b>113.334.068.870</b>	<b>929.640.777.423</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****20b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.782.751	48.782.751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48.782.751	48.782.751
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.782.751	48.782.751
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.389.953	573.053
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.389.953	573.053
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.392.798	48.209.698
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	47.392.798	48.209.698

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**20c. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 0206-2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 47.392.798.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 28.877.000.000
• Trích quỹ Ban điều hành	: 4.331.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 5.775.000.000

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	846.700,76	1.316.943,03
Euro (EUR)	40,54	40,54

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	61.915.070.477	60.971.922.764
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	51.778.910.726	51.932.564.768
Trong đó:		
<i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD</i>	30.619.253.766	31.378.758.054
<i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD</i>	7.380.516.017	6.024.672.165
<i>Doanh thu khai thác tàu Hải An Link</i>	13.779.140.943	14.529.134.549
Doanh thu hoạt động khác	17.619.373.395	20.687.560.837
<b>Cộng</b>	<b>131.313.354.598</b>	<b>133.592.048.369</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.822.654.528	1.359.609.058
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	13.090.909	241.482.819
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	-	6.700.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	933.023.982	1.082.146.597

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động cảng	41.352.167.963	41.849.316.827
Giá vốn của hoạt động tàu	37.896.162.646	43.540.550.798
<i>Trong đó:</i>		
Giá vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD	24.653.994.930	27.496.771.863
Giá vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD	4.277.745.230	5.925.907.827
Giá vốn khai thác tàu Hải An Link	8.964.422.486	10.117.871.108
Giá vốn dịch vụ khác	14.367.373.780	13.990.804.192
<b>Cộng</b>	<b>93.615.704.389</b>	<b>99.380.671.817</b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.573.040.651	1.451.484.804
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	30.242.575	43.414.248
Lãi tiền cho vay	291.583.333	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.585.637.872	15.590.012.505
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	545.975.739	261.227.744
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(48.109.791)	2.390.955
<b>Cộng</b>	<b>5.978.370.379</b>	<b>17.348.530.256</b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.179.250.020	1.868.651.222
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	2.619.369.385	944.374.984
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	(33.076.144)	70.495.508
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.127.052.544)	448.654.173
<b>Cộng</b>	<b>3.638.490.717</b>	<b>3.332.175.887</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.519.873.191	2.350.927.205
Chi phí vật liệu quản lý	55.353.695	120.156.374
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.967.909	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	466.775.706	478.162.082
Thuế, phí và lệ phí	21.367.000	25.038.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	722.223.485	836.503.718
Các chi phí khác	1.242.868.679	1.364.462.223
<b>Cộng</b>	<b>5.038.429.665</b>	<b>5.175.249.602</b>

#### 6. Thu nhập khác

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Tiền bồi thường	265.933.200	83.535.872
Xử lý công nợ	21.512.428	6.225.345
Thu nhập khác	485.482	120.787.653
<b>Cộng</b>	<b>287.931.110</b>	<b>210.548.870</b>

#### 7. Chi phí khác

	<u>Quý 2 năm nay</u>	<u>Quý 2 năm trước</u>
Ứng hộ hạn mặn	230.000.000	
Xử lý công nợ	4.198.320	
Chi phí khác		7
<b>Cộng</b>	<b>234.198.320</b>	<b>7</b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.043.192.310	1.452.830.772
Phụ cấp	222.000.000	198.000.000
Tiền thưởng	1.320.500.284	2.446.314.664
<b>Cộng</b>	<b>2.585.692.594</b>	<b>4.097.145.436</b>

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An</b>		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	2.433.135.628	2.279.591.595
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà</b>		
Trả cổ tức	-	8.351.250.000
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	304.442.416	1.279.504.248
Phí thuê văn phòng	909.750.780	-
<b>Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức</b>		
Trả cổ tức	-	2.583.090.000
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	-	-
<b>Công Ty Cổ Phần Cánh Đồng Xanh</b>		
Trả cổ tức	-	3.000.000.000
<b>Công ty cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh</b>		
Trả cổ tức	-	1.500.000.000
<b>Công nợ với các bên liên quan khác</b>		
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12 và V.17.		

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Lũy kế đến cuối kỳ năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	125.087.181.362	102.156.883.569	36.491.457.198	263.735.522.129
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>125.087.181.362</b>	<b>102.156.883.569</b>	<b>36.491.457.198</b>	<b>263.735.522.129</b>
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>40.020.355.498</b>	<b>23.618.671.823</b>	<b>7.586.733.104</b>	<b>71.225.760.425</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Hoạt động khai thác cảng</b>	<b>Hoạt động khai thác tàu</b>	<b>Các lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10.250.914.785)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				60.974.845.640
Doanh thu hoạt động tài chính				10.775.230.933
Chi phí tài chính				(9.635.493.383)
Thu nhập khác				300.120.282
Chi phí khác				(236.947.549)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(6.851.106.170)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>55.326.649.753</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>3.372.163.282</b>		<b>27.500.000.000</b>	<b>30.872.163.282</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>20.843.131.315</b>	<b>14.674.518.006</b>	<b>29.153.837.115</b>	<b>64.671.486.436</b>
<b>Lũy kế đến cuối kỳ năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	116.174.121.439	102.775.544.908	41.367.466.526	260.317.132.873
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>116.174.121.439</b>	<b>102.775.544.908</b>	<b>41.367.466.526</b>	<b>260.317.132.873</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	35.851.980.710	20.608.646.113	12.572.859.784	69.033.486.607
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10.961.112.745)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				58.072.373.862
Doanh thu hoạt động tài chính				22.407.329.563
Chi phí tài chính				(6.763.235.901)
Thu nhập khác				1.144.199.265
Chi phí khác				(4.805.538)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(7.511.164.195)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>67.344.697.056</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>317.544.545</b>	<b>128.753.013.854</b>		<b>129.070.558.399</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>21.725.478.932</b>	<b>12.726.361.683</b>	<b>2.103.806.064</b>	<b>36.555.646.679</b>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN**

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II**

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	203.852.806.695	394.877.568.074	46.794.193.311	645.524.568.080
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				611.237.943.898
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.256.762.511.978</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	17.650.748.941	175.529.312.268	41.972.849.202	235.152.910.411
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				39.141.097.378
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>274.294.007.789</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	206.008.066.674	394.877.644.361	32.019.529.843	632.905.240.878
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				602.198.480.705
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.235.103.721.583</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	19.847.596.868	191.171.822.160	51.295.824.997	262.315.244.025
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				32.990.986.388
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>295.306.230.413</b>

**2b. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 7 năm 2020

Người lập biểu

**Trần Thị Thanh Hảo**

Phụ trách kế toán

**Trần Thị Thanh Hảo**

Tổng Giám đốc

**Vũ Thanh Hải**